

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 593/2025/DS-PT

Ngày 22 - 8 - 2025

V/v dân sự về hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Diệu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 281A/2024/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (Khu V - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 478/2025/QĐ-PT, ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956.

1.2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

2.2. Ông Trang Phương E, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông E: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 22/8/2025.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP S3 (S4).

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số G, đường T, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện của Ngân hàng: Ông Trịnh Thanh N1, chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Quyết định số 293/2024/QĐ-HĐQT ngày 20/8/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S3).

Người đại diện hợp pháp của ông Trịnh Thanh N1:

3.1.1. Ông Trần Thanh T1; Chức danh: Chuyên viên XLN;

3.1.2. Ông Nguyễn Việt P; Chức danh: Chuyên viên XLN.

Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 23/6/2025.

Cùng địa chỉ: Số A- A, đường N, phường B, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Trần Thị Ánh H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm C, phường B, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Bà Nguyễn Tú T2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ D, khóm C, phường B, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khóm C, phường B, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Đặng Hữu T4, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khóm F, phường B, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E, là bị đơn.

* Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 03/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

Ông T, bà S, bà N có mặt tại phiên tòa. Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà H1, bà T2, bà T3, ông T4 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị S trình bày:

Ngày 17/4/2021, ông T, bà S có thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng bà N và ông E tổng cộng 06 thửa 2267, 2269, 438, 2081, 1653, 1651; với diện tích 14.339,3m² và 1000m² của ông Lê Văn B (ông B là em ruột của bà S vợ anh T), với tổng số tiền là 6.000.000.000 đồng. Bà N và ông E có trả nhiều lần cho ông T và bà S được số tiền 2.876.750.000 đồng. Ông T, bà S đã giao đất cho bà N và ông E sử dụng đất.

Ông T, bà S nhiều lần yêu cầu bà N và ông E trả số tiền còn lại là 3.123.250.000 đồng, nhưng bà N và ông E không trả. Sau đó, ông T, bà S với bà N và ông E thỏa thuận phía bà N và ông E đồng ý chịu số tiền lãi của 18 tháng là 1.686.555.000 đồng. Như vậy, bà N và ông E còn thiếu lại ông T, bà S tổng cộng số tiền là 4.809.805.000 đồng.

Nay, ông T, bà S yêu cầu bà N và ông E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo Tờ sang nhượng đất ngày 17/4/2021 và yêu cầu bà N và ông E trả số tiền chuyển nhượng đất còn thiếu là 4.809.805.000 đồng. Ông T và bà S thống nhất chuyển quyền sử dụng đất 06 thửa cho bà N và ông E.

Ông, T và bà S thống nhất trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Trang Phương E trình bày:

Bà N và ông E thống nhất theo lời trình bày của ông T và bà S. Bà N và ông E có thỏa thuận chuyển nhượng 06 thửa đất của ông T và bà S vào ngày 17/4/2021, với tổng số tiền là 7.400.000.000 đồng. Bà N và ông E đã trả cho ông T và bà S nhận tổng cộng số tiền 3.300.000.000 đồng.

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T và bà S đang thế chấp ngân hàng, nên chưa tiến hành thủ tục chuyển nhượng.

Ông T, bà S đã cam kết trong thời gian 6 tháng kể từ ngày lập Tờ sang nhượng đất, thì bà N và ông E còn phải chịu tiền lãi ngân hàng số nợ 2.700.000.000 đồng, để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho bà N và ông E. Nhưng hết thời hạn 06 tháng, bà N và ông E nhiều lần yêu cầu ông T, bà S trả nợ ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiến hành thủ tục chuyển nhượng, nhưng ông T và bà S không thực hiện. Ông T, bà S không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng mà lấy đất lại chuyển nhượng cho người khác giá 15 tỷ và đòi hủy giấy hợp đồng và trả lại cho

bà N và ông E số tiền đã nhận là 3.300.000.000 đồng. Do là anh em ruột, nên bà N và ông E đồng ý trả đất và nhận lại tiền cọc.

Bà N và ông E nhiều lần yêu cầu ông T và bà S trả 3.300.000.000 đồng, nhưng ông T và bà S không trả.

Nay, bà N và ông E không đồng ý theo yêu cầu của ông T và bà S. Bà N và ông E cũng không yêu cầu ông T, bà S sẽ trả lại số tiền 3.300.000.000 đồng trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S3 (S4) trình bày:

Ngày 17/11/2021, Ngân hàng có cho ông T và bà S vay số tiền 8.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay ông T và bà S có thể chấp 06 thửa đất gồm: Thửa đất số 2267, 2269, 438, 1653, 1651, 1969, 192. Tính đến ngày 13/12/2024, thì ông T và bà S còn nợ Ngân hàng S4 vốn là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2. 979.438.373 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà S trả vốn là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2. 979.438.373 đồng (tính đến ngày 13/12/2024) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng . Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu công nhận các hợp đồng thế chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tú T2 trình bày:

Do có người quen cần tiền để đáo nợ Ngân hàng, nên chị cho mượn để đáo nợ ngân hàng, do thời gian quá lâu nên chị không nhớ ai là người mượn tiền của chị S1 đó, Ngân hàng giải ngân nên trả lại chị số tiền đã mượn trước đó, bằng cách chuyển vào tài khoản của chị T2 số tiền 03 tỷ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ánh H1, chị Nguyễn Thị T3 và anh Đặng Hữu T4:

Không ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 281A/2024/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (Khu V - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4).

3. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S số tiền 4.533.548.100 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S3 (S4) số tiền vốn là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/12/2024 là 2.979.438.373 đồng; tổng cộng gốc và lãi: 10.979.438.373 đồng.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/12/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Công nhận hợp đồng thế chấp số 371/2021/HĐTC, ngày 17/11/2021 và hợp đồng thế chấp số 19/2022/HĐTC ngày 12/01/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S3 (S4) với ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị S

8. Không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/2021 giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S với bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 01 năm 2025, bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 281A/2024/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (Khu V - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị N, ông Trang Phương E yêu cầu xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S yêu cầu bà N và ông E trả cho ông T, bà S số tiền 4.533.548.100 đồng.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Tòa án

nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án, sửa bản án nêu trên theo hướng:

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E phải trả số tiền mua đất còn lại là 4.533.548.100 đồng thì vợ chồng ông T sẽ sang tên 06 thửa đất: 438, 1651, 1653, 2267, 2269, 192 (thửa cũ là 2081) cho vợ chồng bà N; Tuyên vô hiệu Tờ sang nhượng đất ngày 17/4/2021, do vợ chồng bà N không yêu cầu trả số tiền đã đưa cho vợ chồng ông T nên không xem xét giải quyết, ngoài ra đất cũng không do vợ chồng bà N quản lý, sử dụng nên giữ nguyên hiện trạng. Do trong vụ án đương sự không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nếu có yêu cầu phát sinh sẽ được giải quyết vụ án khác.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S3 (S4) về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 14/3/2024 là 10.116.187.587 đồng (gốc là 8.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.443.178.615 đồng, lãi quá hạn là 673.008.972 đồng) và phải tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong, trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng S4 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 371/2021/HĐTC-CN/SHB.131500 ngày 17/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số 19/2022/HĐTC-CN/SHB.131500 ngày 12/01/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Trang Phương E và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân

sự. Bà N, ông E kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị trong hạn luật định. Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 17/4/2021, ông T, bà S có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà N và ông E tổng cộng 06 thửa 2267, 2269, 438, 2081, 1653, 1651; với diện tích 14.339,3m² và 1.000m² của ông Lê Văn B (ông B là em ruột của bà S vợ anh T), với tổng số tiền là 6.000.000.000 đồng.

[3] Theo ông T và bà S thì bà N và ông E có trả được số tiền số tiền 2.876.750.000 đồng, còn lại nợ là 3.123.250.000 đồng. Sau đó, ông T, bà S với ông E, bà N thỏa thuận phía ông E và bà N đồng ý chịu số tiền lãi của 18 tháng là 1.686.555.000 đồng, tổng cộng còn nợ số tiền là 4.809.805.000 đồng. Ông T và bà S yêu cầu bà N và ông E trả số tiền 4.809.805.000 đồng, ông T và bà S thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 06 thửa đất cho bà N và ông E.

[4] Về phía bà N và ông E cho rằng đã trả tiền chuyển nhượng đất cho ông T, bà S được 3.300.000.000 đồng. Bà N và ông E không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, do các thửa đất chuyển nhượng, ông T và bà S đã thế chấp Ngân hàng và không đồng ý trả số tiền chuyển nhượng đất là 4.533.548.100 đồng.

[5] Việc ông T, bà S có thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng bà N và ông E tổng cộng 06 thửa 2267, 2269, 438, 2081, 1653, 1651; với diện tích 14.339,3m² và 1000m² của ông Lê Văn B, với tổng số tiền là 6.000.000.000 đồng, hai bên làm giấy tay không có chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù, việc thỏa thuận chuyển nhượng (ngày 21/4/2021) 06 thửa đất trước ngày thế chấp (ngày 17/11/2021), nhưng sau đó ông T, bà S tiếp tục thế chấp 06 thửa đất 2267, 2269, 438, 1969, 1653, 1651 cho Ngân hàng để vay số tiền 8.000.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp đã được chứng nhận và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp là có căn cứ.

[6] Đối với Tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất ngày 17/4/2021 không tuân thủ về mặt hình thức, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T và bà S về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà S với bà N và ông E (do các thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng và hợp đồng thế chấp đã được công nhận) là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp

sơ thẩm buộc bà N và ông E phải trả cho ông T và bà S số tiền 4.533.548.100 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên bà N, ông E kháng cáo là có căn cứ.

[7] Đối với việc ông T, bà S bảo lãnh cho bà N, ông E vay tiền của Ngân hàng vào năm 2020. Ông T và bà S không có tranh chấp, nên không xem xét.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng cáo của bà N, ông E và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10), tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm.

[10] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[11] Do kháng cáo của bà N và ông E được chấp nhận, nên bà N và ông E không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Ông T và bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T và bà S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308; Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấn nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Trang Phương E.
- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10).
- Sửa bản án sơ thẩm số 281A/2024/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (nay Tòa án nhân dân Khu vực 10).

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S, về việc bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E có nghĩa vụ trả tiền chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S2 số tiền 4.533.548.100 đồng và không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/2021 giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S với bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4).

2.1. Công nhận hợp đồng thế chấp số 371/2021/HĐTC, ngày 17/11/2021 và hợp đồng thế chấp số 19/2022/HĐTC ngày 12/01/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S3 (S4) với ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị S.

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4) số tiền vốn là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/12/2024 là 2.979.438.373 đồng, tổng cộng vốn và lãi: 10.979.438.373 đồng.

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/12/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. (Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả tiếp tiền lãi sau ngày 13/12/2024 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: 371/2021/HĐHM-CN/SHB.131500 ngày 17/11/2021; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: PL02-371/2021/HĐHM-CN/SHB.131500 ngày 12/01/2022; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: PL01-371/2021/HĐHM-CN/SHB.131500 ngày 30/11/2021 cho đến khi thi hành xong)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S.

3.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 59.059.000 đồng, theo biên lai thu số 0005583, ngày 09/4/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, (nay Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Đồng Tháp).

3.3. Bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và ông Trang Phương E không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N, ông E số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo hai biên lai thu số 0001119, số 0001118, cùng ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (nay Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Đồng Tháp).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị S phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4) đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên ông T và bà S có nghĩa vụ nộp lại số tiền trên để trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S3 (S4).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng